

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2025

V/v Ly hôn, nuôi con chung

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

#### TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Thơm; Bà Mai Thị Thảo.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phùng Thị Mai – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 506/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 563/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 387/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- *Người được chị Nguyễn Thị N ủy quyền giao nhận văn bản:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, Địa chỉ: Số B T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 04/8/2011 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống ở thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách, vợ chồng không có tiếng nói chung. Năm 2018 anh T đi lao động ở Đài Loan. Do vợ chồng sống xa nhau nên mâu thuẫn trở nên nghiêm trọng hơn. Thời gian đầu anh T mới đi vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại nhưng từ năm 2022 thì anh T không còn liên lạc với chị nữa, không quan tâm đến gia đình. Tháng 8/2022 chị đưa các con về nhà bố mẹ đẻ sống. Đến nay chị xác định chị và anh T không còn tình cảm nữa đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Vũ Khánh V, sinh ngày 26/3/2012 và Vũ Hoàng B, sinh ngày 18/12/2015 hiện nay con chung đang ở với chị, chị xin được nuôi cả hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con = 2.500.000đ/tháng

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

*Người làm chứng bà Trần Thị VI - mẹ đẻ của anh Vũ Văn T trình bày:* Chị N, anh T kết hôn năm 2011, sau đó chung sống ở thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương và ở chung với gia đình bà. Năm 2018 anh T sang Đài Loan lao động, anh T vẫn thường xuyên gọi điện nói chuyện với vợ con nhưng sau đó bà nhận thấy chị N thay đổi tình cảm, không còn quan tâm đến anh T nữa. Năm 2022 chị N đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị N ở. Chị N nói với bà là chị N làm thủ tục ly hôn anh T, bà đã động viên chị N thay đổi để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái nhưng chị N vẫn cương quyết và nói rằng chị N không còn tình cảm với anh T nữa. Về con chung: Vợ chồng chị N, anh T có 2 con chung là Vũ Khánh V, sinh ngày 26/3/2012 và Vũ Hoàng B, sinh ngày 18/12/2015, hiện nay các cháu đang ở với chị N. Anh T1 vẫn thường xuyên gọi điện về cho bà nhưng không nói cho bà biết địa chỉ của mình, Tòa án giao văn bản tố tụng cho anh T1 bà nhận thay và đã thông báo chị anh T1 biết. Anh T1 đang ở nước ngoài không về được đề nghị Tòa án cho anh T1 vắng mặt.

*Cháu Vũ Khánh V, Vũ Hoàng B trình bày:* Nếu bố mẹ cháu ly hôn, các cháu xin được ở với mẹ là Nguyễn Thị Na .

Theo xác minh tại Cục Q: Anh Vũ Văn T xuất cảnh lần gần nhất ngày 05/01/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị Nguyễn Thị Na ly H1 anh Vũ Văn T. Về con chung: Giao 02 con chung Vũ Khánh V, Vũ Hoàng B cho chị N trực tiếp nuôi, anh T cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ/con/tháng x 2 con = 5.000.000đ/tháng kể từ tháng 01/2025; Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Vũ Văn T có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương hiện đang làm việc, sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Vũ Văn T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N, anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04/8/2011 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh

Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Chị N xác định quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp về tính cách, quan điểm sống. Năm 2018 anh T đi lao động ở Đài Loan, mâu thuẫn càng nghiêm trọng hơn. Từ năm 2022 chị và anh T không còn liên lạc với nhau nữa. Đến nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Anh T1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trần Thị Vui M đẻ của anh T1 trình bày từ khi anh T1 đi lao động ở nước ngoài chị N thay đổi tình cảm không còn quan tâm, yêu thương anh T1. Anh T1 không về Việt Nam được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Lời khai của chị N về và lời khai của người làm chứng có sự khác nhau về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị N, anh T1, tuy nhiên đều xác định quá trình anh chị chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống xa nhau, không có sự quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N, anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh T1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị N, anh T1 có 02 con chung là Vũ Khánh V, sinh ngày 26/3/2012 và Vũ Hoàng B, sinh ngày 18/12/2015. Chị N xin được nuôi con chung yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay con chung đang ở cùng chị N. Chị N đảm bảo được các điều kiện để nuôi con. Cháu Khánh V, cháu Hoàng B đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Anh T1 hiện đang lao động ở nước ngoài nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung. Do đó HĐXX, chấp nhận yêu cầu chị N giao con chung Vũ Khánh V, Vũ Hoàng B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi con là 2.500.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị Na ly H1 Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Vũ Khánh V, sinh ngày 26/3/2012 và Vũ Hoàng B, sinh ngày 18/12/2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Vũ Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi con là 2.500.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

*Kể từ khi chị N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh T1 không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, và tự nguyện chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng bằng 600.000đ. Được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0005196 ngày 04 tháng 10 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị N còn phải nộp 300.000đ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều*

30 Luật thi hành án dân sự.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thị Thơm**

**Mai Thị Thảo**

**Đoàn Thị Thu Thúy**

**Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Dương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ngô Quyền, Thanh Miện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

## **Đoàn Thị Thu Thúy**